

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 281/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-5-2023
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hoa Kiều.
- Ông Lê Anh Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thanh Phong, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trinh-Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 03 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 81/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị L**, sinh năm 1990; HKTT: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Địa chỉ liên lạc: Thôn F, xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

- Bị đơn: Anh **Lê Thanh V**, sinh năm 1984; Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị L có đơn xin vắng mặt, anh V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:*

Chị và anh Lê Thanh V sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L ngày 18/3/2014. Trước khi kết hôn, hai bên có thời gian tìm hiểu nhau, sau đó tự nguyện đến với nhau, không ai ép buộc. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng

không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng nên từ năm 2019 chị đã đưa con về ngoại tại Đ sinh sống đến nay. Từ đó đến nay chị và anh V cũng không gặp nhau hay liên hệ, tình cảm vợ chồng mờ nhạt cuộc sống ai nấy lo. Do đó, chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thanh V.

Về con chung: Có 01 con chung là Lê Trần Thanh T, sinh ngày 09/10/2014. Hiện con đang sống với chị. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh V cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn anh Lê Thanh V đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nhưng không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết.*

* Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt nên không có thỏa thuận được về nội dung vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận xét: Về hôn nhân: mâu thuẫn giữa chị L và anh V là có thật, chị L và anh V có thời gian ly thân dài, hiện không còn sống chung. Quá trình giải quyết vụ án, anh V không đến Tòa thể hiện anh V không muốn hàn gắn từ đó xác định mục đích hôn nhân giữa chị L và anh V không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị L là có cơ sở. Về con chung: chị L và anh V có 01 con chung là Lê Trần Thanh T, sinh ngày 09/10/2014 hiện đang sống với chị L và cháu T có nguyện vọng sống với chị L nên chị L yêu cầu trực tiếp nuôi con là phù hợp quy định pháp luật. Về cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu anh V cấp dưỡng nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L. Chị L có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị L có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh Lê Thanh V vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L và anh V.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu nuôi con và bị đơn đang cư trú tại ấp T, xã L, huyện C nên Tòa án xác định tranh chấp ly hôn, nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1

Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 51, 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nội dung tranh chấp: Chị L cho rằng chị và anh V có mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn và tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh V. Về con chung, chị L và anh V có 01 con chung là Lê Trần Thanh T, sinh ngày 09/10/2014 hiện đang sống ổn định với chị L, nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Xét yêu cầu của chị L:

[4.1] Về hôn nhân: Chị L và anh V có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 23 ngày 18/3/2014 (bút lục 09), nên căn cứ Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị L và anh V nhiều lần mâu thuẫn, thời gian kéo dài bởi lẽ chị L đã về mẹ ruột chị tại xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông sinh sống từ năm 2019 đến nay có xác nhận của chính quyền địa phương (bút lục 25-26). Từ thời gian năm 2019 đến nay, chị L và anh V không liên hệ, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh V và triệu tập anh V nhiều lần đến Tòa để hòa giải, tại phiên tòa hôm nay anh V cũng vắng mặt. Điều đó thể hiện anh V không muốn hàn gắn đoàn tụ với chị L. Do đó, mâu thuẫn giữa chị L và anh V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được chị L yêu cầu ly hôn là có cơ sở phù hợp khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Chị L và anh V có 01 con chung là Lê Trần Thanh T, sinh ngày 09/10/2014. Hiện cháu T đang sống chung với chị L tại Đ đã có cuộc sống ổn định. Đồng thời cháu T có nguyện vọng sống với chị L (bút lục 23-24). Do đó để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu Lê Trần Thanh T và anh V không có văn bản trình bày hay tranh chấp về nuôi con nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần để chị L tiếp tục nuôi con là phù hợp khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4.3] Về cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu anh V cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 8, 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L.

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị L được ly hôn với anh Lê Thanh V.

- Về con chung:

+ Giao con tên Lê Trần Thanh T, sinh ngày 09/10/2014 cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Anh Lê Thanh V không cấp dưỡng nuôi con.

+ Anh Lê Thanh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

2. Về án phí:

- Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0025775 ngày 20/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Chị L và anh V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã Long Bình Điền;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Tuyền

